

Số: 1903/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 8 năm 2016

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA	
Số đến:.....	3558
Ngày đến: 15/8/2016	16
Chuyên:.....	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 131/TTr-SXD ngày 27/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi ranh giới: Phạm vi ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La được xác định như sau:

- Phía Bắc theo Tỉnh lộ 106 đến dốc Cao Pha;
- Phía Nam theo trục đường 4G đến dốc bản Mạt, huyện Mai Sơn;
- Phía Đông Nam theo Quốc lộ 6 đến dốc Mường Hồng, huyện Mai Sơn;

- Phía Tây Nam theo thượng nguồn suối Nậm La đến hồ Bản Mòng;
- Phía Tây Bắc theo trục đường Quốc lộ 6 đến đèo Sơn La;
- Phía Tây mở rộng các quỹ đất bám theo trục Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố từ xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn đến xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La.

1.2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô dân số:
 - + Dân số nội thị hiện trạng năm 2014: 67.498 người.
 - + Dân số (Trong phạm vi nội thị gồm 7 phường) đến năm 2020: 110.700 người; đến năm 2030: 153.000 người
- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 4.800 ha.

2. Mục tiêu lập quy hoạch, tính chất, chức năng của đô thị

2.1. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Sơn La giai đoạn 2011-2020.
 - Xây dựng thành phố Sơn La trở thành đô thị loại II trong giai đoạn 2016 – 2020, phát triển khá trong các đô thị miền núi phía Bắc, xứng tầm là một trong những đô thị trung tâm tiểu vùng Tây Bắc.
 - Làm cơ sở để lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng theo quy định.

2.2. Tính chất, chức năng của đô thị

- Là trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh Sơn La.
- Là đô thị trung tâm tiểu vùng Tây Bắc về các chức năng: Thương mại; Y tế; Giáo dục đào tạo; Văn hóa - Du lịch - Thể dục thể thao; Khoa học kỹ thuật... có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của tiểu vùng Tây Bắc.
- Là trung tâm của vùng trung du và miền núi phía Bắc về giao thương với các tỉnh Bắc Lào.
- Là đô thị có vị trí chiến lược về an ninh - quốc phòng của tiểu vùng Tây Bắc.

3. Quy hoạch sử dụng đất

- Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng đến năm 2030: 118 m²/người.
- Diện tích quy hoạch: Khoảng 4.800 ha, cụ thể:

U

STT	Ký hiệu	Loại đất	Chính trang	XD đợt đầu	XD đợt sau	Tổng	TL dân dụng	Tỉ lệ tổng
			ha	ha	ha	ha	%	%
A		ĐẤT TRONG PHẠM VI DÂN DỤNG	1197.53	483.76	726.54	2407.84		50.15
1		Đất ở	843.35	142.82	210.98	1197.15	49.72	24.94
2	CCC	Công cộng	26.64	62.23	20.16	109.03	4.53	2.27
3	DGD	Giáo dục cơ sở	26.04	8.24	16.36	50.64	2.1	1.05
4	CXC	Cây xanh	2.54	67.11	63.01	132.66	5.51	2.76
5	MNC	Mặt nước	40.41	0	0	40.41	1.68	0.84
6	DTT	Thể thao	7.09	3.23	23.64	33.96	1.41	0.71
7	BDX	Bãi đỗ xe	0.81	7.28	6.04	14.13	0.59	0.29
8	DGT	Đường dân dụng	48.33	66.46	117.71	232.5	9.66	4.84
9	TSC	Cơ quan, tổ chức sự nghiệp	65.91	32	50.62	148.53	6.17	3.09
10	DGC	THPT, trường chuyên nghiệp	58.8	28.74	38.33	125.87	5.23	2.62
11	SKC	Kinh doanh dân dụng	77.64	59.82	118.64	256.1	10.64	5.33
12	DDL	Đất du lịch	0	5.82	61.05	66.87		1.39
B		ĐẤT NGOÀI PHẠM VI DÂN DỤNG	1751.88	403.02	238.27	2393.17		49.85
13	SKK	Công nghiệp	29.62	88.68	96.63	214.94		4.48
14		Đất hạ tầng	108.66	81.92	44.71	235.29		4.9
15		Giao thông đối ngoại	135.29	20.44	27.87	183.61		3.82
16		Cây xanh đặc biệt, mặt nước	986.73	111.08	2.14	1099.96		22.91
17		Tín ngưỡng, di tích	1.27	20.98	0	22.25		0.46
18		An ninh, quốc phòng	275.48	79.91	0	355.39		7.4
18	DCS	Dự trữ phát triển	214.82	0	66.91	281.73		5.88
C		TỔNG CỘNG	2949.42	886.78	964.81	4801.01		100

4. Định hướng phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan

4.1. Định hướng phát triển không gian đô thị

Đô thị được phát triển theo 5 hướng

- Hướng Bắc: Phát triển theo đường Tỉnh lộ 106, đến dốc Cao Pha, xã Chiềng Xôm.

- Hướng Nam: Phát triển theo đường Tỉnh lộ 117 đến Hồ Bản Mòng, xã Hua La.
- Hướng Đông: Phát triển về phía xã Chiềng Ngần.
- Hướng Đông Nam:
 - + Phát triển theo QL 6 đến dốc Mường hồng, xã Hát Lót;
 - + Phát triển theo QL 4G đến dốc bản Mạt, xã Chiềng Mung.

4.2. Định hướng kiến trúc, cảnh quan đô thị

a. Định hướng hình ảnh đô thị và phân vùng kiến trúc, cảnh quan:

Thành phố Sơn La trong tương lai là Thành phố mang những nét đặc sắc của văn hóa miền Tây Bắc, cốt xây dựng công trình có sự biến đổi từ thấp đến cao, tận dụng địa hình tự nhiên, tạo sự đa dạng về chiều cao đô thị. Đô thị gồm các vùng cảnh quan sau:

- Khu vực nội đô hiện hữu: Là khu vực nội thị của thành phố Sơn La, bao gồm 7 phường: Chiềng Lê, Tô Hiệu, Quyết Thắng, Quyết Tâm, Chiềng An, Chiềng Sinh và Chiềng Cơi.

- Khu vực dự kiến mở rộng mới: Trong giai đoạn 2020-2030 dự kiến thành lập thêm 03 phường mới: Phường phía Bắc, phường phía Đông và phường phía Nam, trên cơ sở mở rộng về các xã Chiềng Mung, một phần các xã Hát Lót và Chiềng Ban của huyện Mai Sơn.

- Khu vực cảnh quan thiên nhiên, nhân tạo: Tập trung đầu tư xây dựng thành lõi xanh của đô thị là công viên 26/10 gắn với suối Nậm La; cụm công viên Tuổi Trẻ ở khu vực Bản Hải, phường Chiềng An; Công viên thành phố tại phường Chiềng Sinh. Khu du lịch hồ Tiên Phong; Khu du lịch hồ Bản Mòng; Hang Thẩm Tét Toòng.

- Khu di tích lịch sử gồm: Nhà ngục Sơn La, Cây đa Bản Hẹ, Đền thờ Lê Thái Tông, Văn bia Quế Lâm Ngự chế.

b. Phân Khu chức năng:

- Khu trung tâm hành chính, chính trị cấp Tỉnh.
- Khu trung tâm hành chính chính trị cấp Thành phố.
- Khu trung tâm dịch vụ thương mại.
- Khu trung tâm giáo dục – đào tạo.
- Khu trung tâm y tế.
- Khu trung tâm cây xanh, văn hóa, Thể dục thể thao và dịch vụ du lịch.
- Khu ở.
- Khu công nghiệp.

5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật

- San nền bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa khối lượng đào đắp, đảm bảo thoát nước mặt theo hình thức tự chảy; cốt xây dựng thấp nhất cho toàn đô thị là 580m.

- Biện pháp phòng chống lũ trên dòng Nậm La: Xây dựng hồ Bản Mòng theo dự án đã có nhằm bảo vệ đô thị với tần suất 2-5% và cắt lũ năm 1991 giảm từ 1,81m đến 2,5m; Nắn dòng, khơi thông mở rộng suối Nậm La, xây dựng 7 công trình thủy lợi dọc Nậm La và khơi thông các hang thoát lũ.

5.2. Giao thông

a. Giao thông đường Không:

- Cảng hàng không Nà Sản, tỉnh Sơn La là sân bay cấp 4C (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế ICAO) và sân bay quân sự cấp I, đến năm 2020 lượng vận chuyển đạt 900 nghìn hành khách/năm, giai đoạn đến năm 2030, nâng sản lượng vận chuyển đạt 1,5 triệu hành khách/năm.

b. Đường giao thông đối ngoại:

- Đường Quốc lộ 6 nội thị rộng 40m, lòng đường 14,25m x 2;
- Đường Quốc lộ 4G khu vực đô thị hóa rộng 21m, lòng đường 11,0m, và rộng 16,5m, lòng đường 10,5m tại các khu vực khác;
- Đường Tỉnh lộ 106 nội thị rộng 21m, lòng đường 11,0m;
- Đường Tỉnh lộ 117 nội thị rộng 16,5m, lòng đường 10,5m;
- Đường Tỉnh lộ 118 khu vực nội thị rộng 16,5m, lòng đường 10,5m; khu vực đô thị hóa rộng 33,0m, lòng đường 10,5m x 2.

c. Hệ thống đường đô thị:

- Trục chính đô thị: Là Quốc lộ 6 và Tuyến đường tránh có độ rộng 10,5m và 16,5m.

- Đường chính đô thị:

- + Tuyến Lò Văn Giá - Tô Hiệu – và đường Tô Hiệu kéo dài có độ rộng 21m.
- + Tuyến Nguyễn Lương Bằng - Chiềng Ngàn - Quốc lộ 4G có độ rộng 16,5m và 33m.

- Các đường liên khu vực chủ yếu (có độ rộng từ 10,5-16,5m):

- + Chiềng Đen - Chiềng An - Chiềng Ngàn - Mường Bon - Mường Hồng;
- + Chiềng Xôm - Chiềng Ngàn - Mường Bằng;

+ Đường tránh Chu Văn An 2 - Chiềng Ngần;

+ Nà Sản - KCN Mai Sơn.

- Các đường khác đến cấp đường chính khu vực: Được thiết kế phù hợp với các đặc điểm tự nhiên, hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất, có độ rộng từ 16,0-25,0m.

d. Giao thông tỉnh:

- Bến xe cấp vùng Tây Bắc sẽ được quy hoạch tại ngã tư quốc lộ 4G - tuyến tránh quốc lộ 6.

- Bến xe Chiềng Xôm là bến xe đầu mỗi phía Bắc.

- Bến xe Nà Sản là bến xe đầu mỗi phía Nam.

- Chính trang Bến xe Sơn La hiện trạng.

- Các bãi đỗ xe được quy hoạch phân tán trong các khu dân dụng đô thị và nơi tập trung đông người với bán kính phục vụ tối ưu 500m.

e. Giao thông công cộng:

Các tuyến giao thông công cộng là sự kết hợp giữa các tuyến xe buýt dọc và ngang, vận hành 2 chiều, nhằm đảm bảo hành khách tối đa phải chuyển xe buýt 2 lần để di chuyển trong thành phố :

- Các tuyến dọc từ Bắc xuống Nam bao gồm :

+ Tuyến A: Bến xe Chiềng Xôm - Tô Hiệu - Quốc lộ 6 - Bến xe đầu mỗi - Bến xe Nà Sản;

+ Tuyến B: Bến xe Chiềng Xôm - Chu Văn Thịnh - Lê Đức Thọ - Chiềng Ngần - Chiềng Sinh - Bến xe Nà Sản.

- Các tuyến vòng từ Bắc xuống Nam bao gồm:

+ Tuyến C: Lê Đức Thọ - Nguyễn Lương Bằng - Chiềng Còi - Trần Đăng Ninh - Đại học Tây Bắc - Lê Đức Thọ;

+ Tuyến D: Chiềng Ngần - Viện Quân y 6 - Đô thị Hợ Phung - Chiềng Ngần;

+ Tuyến E: Ka Láp - 4G - Bến xe Tây Bắc - Đô thị giao thương - Bệnh viện Đa khoa Tây Bắc - Cao đẳng Luật - Ka Láp.

5.3. Cấp nước

- Chỉ tiêu cấp nước đến năm 2020 là 120l/người.ngđ, đến năm 2030 là 150 l/người.ngđ.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2020 là 20.800m³/ngđ, đến năm 2030 là 46.400 m³/ngđ. ✓

- Về nguồn cấp nước:

+ Đến năm 2020: Nguồn cấp nước gồm: Nhà máy nước Sơn La hiện trạng (số 1) công suất 12.000 m³/ngđ; Nhà máy nước số 2 lấy nước từ hồ Bản Mòng công suất 2.800 m³/ngđ và các trạm cấp nước giếng khoan khác có công suất 6.000 m³/ngđ.

+ Đến năm 2030: Nâng cấp Nhà máy nước số 2 lên công suất khoảng 29.400m³/ngđ.

5.4. Cấp điện

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: Đến năm 2020 là 0,3kw/người ; Đến năm 2030 là 0,5 kw/người.

- Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng, DVTM, chiếu sáng : Đến năm 2020 và năm 2030 là 35% điện sinh hoạt.

- Chỉ tiêu cấp điện công nghiệp đến năm 2020 là 140 kw/ha ; Đến năm 2030 là 350 kw/ha.

- Nguồn cấp điện:

+ Trong giai đoạn đầu thực hiện theo quy hoạch cấp điện Tỉnh Sơn La; Trạm biến áp 1 có công suất 2x25MVA; trạm biến áp 2 có công suất 2x25 MVA đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020.

+ Giai đoạn đến 2030, bổ sung thêm 1 trạm biến áp 110kV - 3x25MVA.

5.5. Hệ thống thông tin liên lạc

- Chỉ tiêu về nhu cầu về thuê bao cố định: Đến năm 2020 là 20 thuê bao/100 dân; Đến năm 2030 là 25 thuê bao/100 dân.


- Chỉ tiêu về nhu cầu thuê bao di động: Đến năm 2020 là 35 thuê bao/100 dân; Đến năm 2030 là 40 thuê bao/100 dân.

- Chỉ tiêu về nhu cầu thuê bao internet: Đến năm 2020 là 15 thuê bao/100 dân; Đến năm 2030 là 20 thuê bao/100 dân.

- Mạng di động: Bên cạnh các trạm BTS hiện trạng, xây dựng thêm 72 trạm BTS phục vụ nhu cầu viễn thông di động.

- Mạng ngoại vi: Triển khai thực hiện ngầm hóa mạng ngoại vi trên địa bàn thành phố theo khu vực địa giới hành chính. Lắp đặt 3 thiết bị truy nhập DSLAM cho đô thị, cung cấp dịch vụ internet được tích hợp qua các thiết bị NGN. Lắp đặt cáp quang cho các mạng ngoại vi mới.

5.6. Thoát nước mặt

- Các hướng thoát nước mặt chính bao gồm: Suối Nậm La, các hồ điều hòa và các chi lưu của suối Nậm Pàn. 

- Hình thức thoát nước mặt trong mạng lưới là tự chảy về các cửa xả.

- Các công thoát nước mặt là công BTCT hộp dọc theo các trục chính đô thị với kích thước B1000 - B2500mm, hoặc công BTCT tròn được bố trí dọc theo các tuyến giao thông đô thị khác với kích thước từ B600 - B800mm.

5.7. Thoát nước thải

- Nhu cầu xử lý nước thải đến năm 2020 là khoảng 16.700 m³/ngđ; đến năm 2030 là 35.200 m³/ngđ.

- Các trạm xử lý nước thải dự kiến bao gồm :

+ Trạm xử lý nước thải Chiềng Xôm (số 1), công suất 3900m³/ngđ: cho lưu vực 2 bên bờ Nậm La từ phường Quyết Thắng về đến Chiềng Xôm;

+ Trạm xử lý nước thải Giảng Lắc (số 2), công suất 4.000m³/ngđ: cho lưu vực từ Bắc Chiềng Sinh về đến phường Quyết Tâm;

+ Trạm xử lý nước thải số 3 (Cho cả khu vực đô thị và CCN Chiềng Ngần), công suất 4.000m³/ngđ;

+ Trạm xử lý nước thải bản Nà Hạ 2 (số 4), công suất 2.100m³/ngđ: cho lưu vực phía Nam phường Chiềng Sinh dọc theo quốc lộ 6;

- Riêng đối với khu vực hồ Tiên Phong, các dự án Khu du lịch hồ Tiên Phong và Làng văn hóa các dân tộc Tây Bắc phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng biệt theo dự án cụ thể, đạt tiêu chuẩn loại B trước khi xả ra môi trường.

5.8. Vệ sinh môi trường

a. Chất thải rắn:

- Nhu cầu xả chất thải rắn sinh hoạt dự kiến đến năm 2020 là khoảng 123,21 tấn/ngđ.

- Rác thải cần được phân loại và được cơ quan chuyên trách về vệ sinh môi trường thu gom và vận chuyển đến nơi quy định của thành phố. Các công trình xử lý CTR bao gồm:

+ Khu xử lý CTR bản Pát (dự án Việt Nam – Na Uy);

+ Trạm trung chuyển CTR bản Huổi Hin thay thế dần cho bãi chôn lấp rác bản Khoang;

+ Trong giai đoạn 2020-2030, xây dựng tổ hợp xử lý CTR tại bản Ổ xã Chiềng Ngần, đáp ứng nhu cầu của đô thị trong tương lai;

+ Rác thải rắn y tế nguy hại của Bệnh viện phải được xử lý 100%, theo quy hoạch tập trung của Thành phố. ✓

b. Nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ:

- Quy hoạch hệ thống nghĩa trang tập trung bao gồm:

+ Nghĩa trang nhân dân Thành phố hiện trạng tại phường Chiềng Sinh;

+ Nghĩa trang nhân dân thành phố quy hoạch mới tại phía Nam, xã Chiềng Mung;

- Các nghĩa trang tập trung mới quy hoạch của Thành phố sẽ được định hướng đầu tư xây dựng theo hướng công viên nghĩa trang, kết hợp với nhà hóa thân hoàn vũ.

- Các điểm nghĩa địa, rùng ma khác sẽ vẫn có thể được tiếp tục sử dụng, nhưng cũng khuyến khích người dân tại các bản gần đó dần hướng đến sử dụng nghĩa trang tập trung.

- Xây dựng 01 nhà tang lễ cho Thành phố tại phường Chiềng An.

6. Đánh giá tác động môi trường

Nội dung nghiên cứu gồm:

- Xác định các vấn đề môi trường chính, lựa chọn đất xây dựng trong mối liên hệ với phòng tránh thiên tai và giảm thiểu úng ngập, lũ lụt; môi trường giao thông, xây dựng và mỹ quan; tình trạng ô nhiễm không khí, tiếng ồn; ô nhiễm sông hồ và nước ngầm; áp lực về quản lý chất thải rắn; nước thải, thoát nước; bảo vệ di sản, các hệ sinh thái...

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm có ảnh hưởng trực tiếp (*Các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, khu xử lý chất thải...*); các khu vực ô nhiễm; mức độ, hậu quả ô nhiễm môi trường. Đánh giá hệ sinh thái, môi trường làng nghề, môi trường các vùng ven đô.

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường do hoạt động từ các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, trung tâm thương mại dịch vụ, bệnh viện, giao thông, xử lý chất thải trên cơ sở định hướng phát triển không gian, cấu trúc đô thị, lựa chọn đất xây dựng, mật độ dân số và phân vùng chức năng.

- Tổng hợp, đề xuất, xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (*Các không gian xanh, hành lang bảo vệ sông hồ, các khu vực hạn chế phát triển...*).

7. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Dự án xây dựng Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc gắn với Quảng trường Tây Bắc.

- Dự án xây dựng Trung tâm thể thao tỉnh tại phường Chiềng Sinh.

- Dự án xây dựng Nghĩa trang nhân dân thành phố tại xã Chiềng Mung.

- Dự án xây dựng Khu trung tâm thương mại tại phường Quyết Thắng.

- Dự án Kè suối Nậm La.
- Dự án tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị di tích lịch sử Nhà tù Sơn La...

8. Kinh tế xây dựng

Tổng kinh phí xây dựng đến năm 2020 dự kiến khoảng 29.118 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách TW và NSDP: 4.613 tỷ đồng.
- Vốn xã hội hóa: 18.883 tỷ đồng.
- Vốn khác: 5.622 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra; xác nhận hồ sơ bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với nội dung Quyết định này; lưu trữ hồ sơ đồ án Quy hoạch theo quy định.

2. UBND thành phố Sơn La chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai quy hoạch chung được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân được biết thực hiện; có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến cơ sở và các cơ quan, tổ chức có liên quan, trình UBND tỉnh phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. UBND thành phố Sơn La, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan và UBND thành phố Sơn La xây dựng cơ chế chính sách để thực hiện quy hoạch chung được duyệt theo tiến độ và trình tự ưu tiên theo từng giai đoạn, chịu trách nhiệm đảm bảo kế hoạch triển khai những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND thành phố Sơn La lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm đảm bảo phù hợp với định hướng của Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La được duyệt; triển khai thực hiện các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và thực hiện kế hoạch giám sát môi trường theo quy định. *U*

6. UBND thành phố Sơn La tổ chức lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xây dựng cấp xã và quy hoạch chi tiết các khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị và đầu tư xây dựng phục vụ cấp phép xây dựng và lập dự án đầu tư.

7. Các sở ngành có liên quan phối hợp với UBND thành phố Sơn La triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch xây dựng của địa phương trên cơ sở Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được duyệt đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

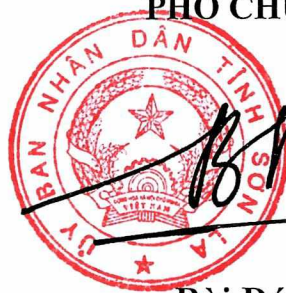
Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn và thành phố Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Các đ/c Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, Quý-KT, 30b.

H

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Hải